

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/ 2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2020
V/v “ *Tranh chấp về HN & GD*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

2. Bà Đoàn Hải Yến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc “ *Tranh chấp HN & GD*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình H**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(Chị T và anh H đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2020, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình H kết hôn tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/3/2012. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh H ở xã B thời gian ngắn rồi chuyển đến ở với mẹ đẻ chị T ở thôn Đ, xã P, thành phố T. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời, cờ bạc, nợ nần nhiều. Từ tháng 3/2020, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, anh H đã xách vali rời khỏi nhà mẹ đẻ chị để về thôn T, xã B sống cùng với bố mẹ anh. Mâu thuẫn vợ chồng chị rất căng thẳng nhưng chị T vẫn nín nhịn để người ngoài không biết vì như vậy sẽ làm mất danh dự và uy tín của anh H - anh H đang là giảng viên Đại học, là bố của các con chị. Các chị gái của anh H đã đến nói chuyện với gia đình chị và khuyên chị quay về, bỏ qua lỗi lầm cho anh H nhưng bản thân anh H không thay đổi, còn chửi mắng, đe dọa, xúc phạm chị và gia đình chị nên chị xác định không còn tình cảm với anh H nữa và không quay về chung sống cùng anh H. Theo chị, anh H xin đoàn tụ nhưng anh H không có thiện chí vì vẫn có những cử chỉ thô lỗ với chị, lời lẽ đe dọa đến tính mạng, sức khỏe và sự an toàn của chị, anh H đã cảnh báo chị bằng tin nhắn điện thoại gửi cho chị khi đêm khuya, cũng như đến cả đồng nghiệp của chị. Sự việc anh H đe dọa đến tính mạng của chị, chị đã đến Tòa án trình báo và giao nộp 01 Đơn khẩn thiết đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử, bảo vệ tính mạng cho chị kèm theo 01 bản in sao tin nhắn từ điện thoại mà anh H đã gửi cho chị hồi 23 giờ 21 phút ngày 03/9/2020. Tòa án sau khi nghe chị trình bày đã hướng dẫn chị đến trình báo với cơ quan Công an nơi chị đang cư trú, cơ quan nơi chị đang làm việc để có biện pháp can thiệp và các cơ quan có thẩm quyền để được xem xét bảo vệ sức khỏe, tính mạng cho chị. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, nếu không được ly hôn, chị cũng sẽ không về chung sống với anh H nữa và tiếp tục sống ly thân.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 20/6/2013, Nguyễn Phi B, sinh ngày 06/11/2014 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 03/5/2018. Chị có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Tiến Đ vì cháu bé sức khỏe yếu, giao hai con là Nguyễn Ngọc Yến N và Nguyễn Phi B cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con N và B 02 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, nguyện vọng của con N lại muốn ở với mẹ nên chị T lại xin nuôi 02 con Nguyễn Ngọc Yến N và Nguyễn Tiến Đ. Chị đề nghị Tòa án giao cho anh H nuôi dưỡng con Nguyễn Phi B và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con N 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng)/tháng để bù cấp cho cháu N đi học.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 27/8/2020 và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đình H trình bày: Anh có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình anh và chị T chung sống sau khi kết hôn và thời gian nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị T đã trình bày là vào tháng 3/2020. Sau khi vợ chồng mâu thuẫn anh đã đưa hai con N và B về sống tại gia đình

bố mẹ đẻ của anh ở xã B. Thời gian vợ chồng anh chung sống hạnh phúc chỉ đến cuối năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T tập trung vào công việc (vì chị là nhân viên bán Bảo hiểm nhân thọ), ít quan tâm tới gia đình và do chị T có mối quan hệ nam nữ với người khác. Việc chị T có quan hệ với người khác xảy ra đã lâu, anh cũng không có chứng cứ cụ thể, nhưng vì các con nên anh có thể bỏ qua cho chị T. Tuy nhiên, anh H thừa nhận, trước đây anh có chơi bời dẫn đến nợ nần, nhưng từ khi sinh con thứ ba đến nay anh đã thay đổi, tập trung làm ăn xây dựng kinh tế để trả nợ và nuôi con. Vì vậy, nay chị T có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý, đề nghị Tòa án cho anh thời gian để anh tìm biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng. Tòa án gia hạn, tạo điều kiện để tìm biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng chị T kiên quyết không nghe, cũng không cho anh cơ hội nên vợ chồng anh vẫn sống ly thân, anh vẫn sống ở nhà bố mẹ đẻ anh ở xã B, còn chị T và ba con vẫn sống ở thôn Đ, xã P, thành phố T và mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện.

Về con chung: Chị T và anh có 03 con chung đúng như chị T trình bày. Tháng 3/2020 vợ chồng mâu thuẫn, anh về sống với bố mẹ anh ở xã Bách Thuận thì con Nhi và con B sống với anh, con Đ sống với chị T. Đến đầu tháng 7/2020 thì cả ba con chung đều do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng tại thôn Đ, xã P, thành phố T tại nhà mẹ đẻ chị T. Anh có nguyện vọng nuôi cả ba con chung, nH chị T có nguyện vọng nuôi hai con Đ và N, con N cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy anh tôn trọng nguyện vọng của con, anh đồng ý để chị T nuôi hai con Đ và N, anh nuôi con B. Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con N 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng)/tháng như ý kiến của chị T nêu ra mà anh chị đã tự thỏa thuận tại phiên tòa.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, anh H nhất trí với ý kiến của chị T.

*/ Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2020, bà Vũ Thị N, sinh năm 1948, trú tại: Thôn Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình, là mẹ đẻ của chị T trình bày: Chị T là con gái duy nhất trong gia đình bà. Năm 2012 chị T kết hôn với anh Nguyễn Đình H do các anh chị tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi kết hôn anh chị chung sống một vài tháng ở nhà bố mẹ đẻ anh H ở xã B. Sau khi chị T có bầu thì vợ chồng anh chị về ở tại gia đình bà, bà là người trực tiếp chăm sóc giúp đỡ các con của chị T anh H để vợ chồng anh chị đi làm. Năm 2012, ngay sau khi cưới, anh H chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị T đã phải vay mượn của bà để trả nợ cho anh H số tiền là 100.000.000đồng. Gia đình và chị T đã khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã, đánh chửi nhau thường xuyên từ đó đến nay. Chị T đã cố gắng nín nhịn khuyên bảo chồng và nuôi dạy chăm sóc các con. Tuy nhiên đến tháng 3/2020, vợ chồng mâu thuẫn, anh H đã xách quần áo và tư trang ra khỏi nhà bà cùng với hai con, sống ly thân với chị T; còn chị T và con út vẫn ở tại gia đình bà. Thời gian anh H chị T sống cùng bà, có lần có người đến nhà hỏi anh H trả nợ, bà đã về trao đổi với vợ chồng anh chị. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh H, quan điểm của bà là tôn trọng quyết định của chị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh H. Về

con chung: bà trình bày thống nhất với lời trình bày của chị T và đề nghị giao con theo nguyện vọng của chị T vì chị T hiện làm việc gần nhà tại Công ty bảo hiểm AIA có địa chỉ số nhà 31, đường Q, phường L, thành phố T, có thu nhập và bà sẽ giúp đỡ chị T chăm sóc, trông nom con của chị T, tạo điều kiện về chỗ ở cho mẹ con chị T. Số tiền chị T vay của bà là 100.000.000đồng trả nợ cho anh H, chị T đã trả bà 30.000.000đồng, số tiền còn lại sau này anh H phải có trách nhiệm trả cho bà. Do anh H đang khó khăn nên bà chưa yêu cầu anh H phải trả nợ số tiền 70.000.000đồng trong vụ án này. Khi nào cần thiết bà sẽ yêu cầu anh H trả sau. Vợ chồng anh H không có tài sản cho người khác vay, không có tài sản chung, không nợ chung và cũng không mua sắm, kiến thiết gì khi sống với gia đình bà. Việc anh H nợ nần ở bên ngoài là phục vụ cho sở thích và quyền lợi riêng của anh H, không phục vụ cho sinh hoạt chung của vợ chồng, con cái nên nếu có thì anh H phải tự có trách nhiệm.

*/ Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2020, bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1950, trú tại: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình, là mẹ đẻ của anh H trình bày: Anh H là con trai thứ tư trong gia đình, hiện đang là giáo viên của Trường Đại học Tr, có địa chỉ xã B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Năm 2012 anh H kết hôn với chị T do các anh chị tự tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi kết hôn anh chị chung sống ở xã B một thời gian ngắn sau đó anh H và chị T lên sinh sống tại nhà mẹ đẻ của chị T ở Đ, xã P, thành phố T để thuận tiện cho anh H đi dạy và chị T đi làm. Vợ chồng hạnh phúc đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, còn trước đó là những mâu thuẫn nhỏ không đáng kể. Bản thân anh H và chị T không nói gì với bà và gia đình nên bà không biết anh chị mâu thuẫn cụ thể vì lý do gì. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh H đang ở nhà mẹ đẻ chị T đã đưa hai con về sinh sống tại gia đình bà. Hai chị gái của anh H với bà đã đến nhà mẹ đẻ chị T để khuyên bảo anh chị đoàn tụ vợ chồng, nhưng chị T không nghe. Sau thời điểm đó thì chị T có đơn gửi Tòa án xin ly hôn, anh H thì về gia đình bà sinh sống. Từ khi anh chị mâu thuẫn, chị T cũng ít khi về gia đình bà. Việc anh chị mâu thuẫn cụ thể thế nào bà không nắm được, vì vậy theo bà chính quyền địa phương là xã Bách Thuận cũng không thể nắm rõ được. Từ tháng 7 năm 2020, chị T nuôi dưỡng cả ba con tại nhà mẹ đẻ chị T ở P. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh H, bà mong muốn anh chị đoàn tụ về nuôi dưỡng các cháu. Anh H hiện có thu nhập ổn định khoảng 6-7 triệu một tháng, và chỗ ở là tại nhà bà ở địa chỉ thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình, nhà ở ba gian rộng rãi, mái bằng đảm bảo cho việc sinh hoạt cho các cháu, có nơi vui chơi thoải mái, không khí trong lành, đủ điều kiện để các cháu con anh H sống tốt nếu giao con cho anh H nuôi dưỡng. Anh H và chị T không tạo lập được tài sản gì chung và không đóng góp được gì vào khối tài sản chung của gia đình bà.

*/ Tại Biên bản xác minh ngày 14/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị T và anh H là vợ chồng hợp pháp, khoảng năm 2013 thì anh chị sinh sống tại nhà mẹ đẻ chị T ở thôn Đ 1. Địa phương không nắm bắt được quá trình chị T anh

H chung sống có hạnh phúc hay không. Do anh H không phải là người gốc ở địa phương, không có cơ hội tiếp xúc nên địa phương không nắm bắt được tính cách và con người anh H. Tháng 7/2020 bà Vũ Thị N là mẹ đẻ chị T có đến UBND xã phản ánh việc vợ chồng chị T mâu thuẫn căng thẳng do anh H chơi bời, cờ bạc dẫn đến chị T có đơn ly hôn anh và đề nghị cơ sở thôn, chính quyền địa phương xác nhận điều kiện nuôi con của chị T. Nay chị T có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của chị T để xem xét giải quyết. Về con chung: Anh chị có 03 con chung, hiện các con cùng với chị T đang sống tại nhà mẹ đẻ chị T như chị T trình bày là đúng. Về điều kiện nuôi con của chị T: Chị T vừa làm bảo hiểm, vừa bán hàng ăn sáng tại thôn Đ 1, thu nhập của chị T khoảng 10 triệu đồng một tháng. Mẹ đẻ chị T là bà Nhâm đã làm thủ tục tại xã để chuyển sang tên cho chị T nhà đất mà bà đang đứng tên sử dụng, cụ thể nhà 01 tầng, diện tích khoảng 40 m² ở địa chỉ thôn Đ, xã P. Về chỗ ở của chị T và các con hiện nay đảm bảo, ổn định; mẹ đẻ chị T có thể hỗ trợ chị trông nom, chăm sóc con cái. Về tài sản của anh H chị T địa phương không nắm bắt được.

*/ Tại Công văn số 16/CV/UBND ngày 26/8/2020, Ủy ban nhân dân xã B huyện V, tỉnh Thái Bình thể hiện: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn năm 2012 được lưu giữ tại UBND xã B, anh Nguyễn Đình H, sinh ngày 22/8/1978, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình đã đăng ký kết hôn lần thứ nhất với chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 13/12/1990 tại UBND xã B. Bản đăng ký kết hôn được thể hiện tại số 27/2012 quyền 01 ngày 26/3/2012.

* Về tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp cho Tòa án:

Chị T giao nộp cho Tòa án: 06 bản Truy vấn thông tin thu nhập của chị T thể hiện mức lương từ tháng 2, tháng 3, tháng 4 năm 2020 của chị T; 01 đơn xin xác nhận của Văn phòng tổng đại lý AIA T về mức thu nhập bình quân tháng của chị; 01 Đơn xin xác nhận của chị T có xác nhận của Trưởng thôn Đ 1 và đại diện UBND xã P thể hiện điều kiện về chỗ ở của mẹ con chị là ổn định, đảm bảo nuôi dạy các con; 06 tờ sao lưu tin nhắn theo chị T cung cấp thể hiện nội dung anh H có quan hệ với người phụ nữ khác ; 01 Đơn khẩn thiết của chị T đề ngày 15/9/2020 kèm theo bản sao in tin nhắn đe dọa của anh H đối với chị T ngày 03/9/2020.

Anh H giao nộp: 01 Đơn xin xác nhận về điều kiện nuôi con của anh là chỗ ở tại nhà bà Phạm Thị Tr ngày 10/7/2020, có xác nhận của cơ sở thôn H và đại diện UBND xã B; Bản phê duyệt Quyết định nâng lương của anh H; 02 bản sao lưu tin nhắn từ điện thoại của anh H thể hiện việc anh đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung với chị T và các tin nhắn trao đổi giữa vợ chồng anh từ tháng 4 năm 2020 (trước thời điểm chị T có đơn xin ly hôn anh); 03 bản sao lưu hình ảnh chị T chụp khi đi du lịch cùng công ty chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn đã có mặt tại Tòa án viết bản tự

khai trình bày quan điểm của mình và giao nhận bản sao các tài liệu chứng cứ với nguyên đơn, tham gia phiên hòa giải NH tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn vắng mặt, tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn có mặt cho nên bị đơn chưa thực hiện hết quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51,56,81,82,83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình H. Về con chung: Đề nghị giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 20/6/2013 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 03/5/2018. Giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Phi B, sinh ngày 06/11/2014. Chấp nhận việc chị T và anh H tại phiên tòa thống nhất thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con Nhi là 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng)/tháng. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đình H và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Nguyễn Đình H có nơi cư trú tại Thôn T, xã B, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 26/3/2012 là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng không tôn trọng và tin tưởng nhau nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nghi ngờ trong quan hệ tình cảm, mặt khác nguyên nhân mâu thuẫn chính của vợ chồng là do anh H thiếu trách nhiệm với gia đình do chơi bời dẫn đến nợ nần. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần và tạo điều kiện cho anh H thời gian để anh tìm biện pháp cải thiện mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh H không tìm được biện pháp cải thiện nào. Anh H đưa ra các tin nhắn trao đổi giữa anh với chị T vào tháng 4/2020 và hình ảnh chị T đi nghỉ mát cùng đồng nghiệp cho rằng đây là căn cứ thể hiện biện pháp cải thiện tình cảm và khắc phục mâu thuẫn của anh, anh và chị T vẫn liên lạc và quan tâm đến con chung, anh đã tạo điều kiện cho chị T có cơ hội đi nghỉ mát cùng công ty... là không thuyết phục. Bởi lẽ: Các tin nhắn trao đổi giữa anh chị diễn ra vào tháng 4

là trước thời điểm chị T có đơn xin ly hôn anh (chị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án ngày 11/6/2020), việc quan tâm chăm sóc con chung là trách nhiệm của vợ chồng anh và việc chị T đi nghỉ mát là chế độ, quyền lợi của chị T được hưởng tại công ty bảo hiểm, do công ty tổ chức và hơn nữa, sự kiện đó diễn ra trong thời điểm anh và chị T đang sống ly thân. Do vậy chứng cứ này của anh H không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, tại phần tranh luận, chị T đưa ra bằng chứng là trong thời gian ly thân, anh H xin cải thiện mâu thuẫn nhưng vẫn có những lời lẽ thô tục, thiếu văn minh với chị, nói chị là người không đứng đắn, có quan hệ với nhiều người đàn ông nên anh không cần đoàn tụ với chị nữa và việc anh H đe dọa đến sự an toàn sức khỏe và tính mạng của chị ngày 03/9/2020 thì anh H đều không phản đối và không có ý kiến tranh luận lại. Lời khai của anh H, của chị T và của bà Phạm Thị Tr, mẹ đẻ anh H cũng như của bà Vũ Thị N, mẹ đẻ chị T đều trình bày thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn, chung sống và thời điểm mâu thuẫn căng thẳng của vợ chồng xảy ra là tháng 03/2020, thời điểm vợ chồng sống ly thân, việc gia đình hai bên đã khuyên bảo động viên cho anh chị nhưng không có kết quả và thực trạng cuộc sống hôn nhân của anh H, chị T và các con hiện nay vẫn mỗi người một nơi, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau từ hai phía.

Nhận thấy, mục đích của hôn nhân là tình yêu giữa nam và nữ muốn chung sống với nhau suốt đời, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững trên cơ sở giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Con người tiến tới hôn nhân với mục đích mong muốn có được một cuộc sống hạnh phúc. Tuy nhiên, với thực trạng quan hệ hôn nhân của chị T và anh H như hiện nay là đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế đã chấm dứt, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do cả hai đã vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: Chị T không còn thương yêu và không muốn chung sống với anh H; cả hai anh chị đều nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, không còn “tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và, thậm chí một bên còn có sự đe dọa đến sự an toàn sức khỏe, tính mạng của bên kia. Theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của một bên. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là chính đáng, có cơ sở chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của chị T và anh H thì thấy: anh H và chị T đều có nguyện vọng nuôi con và có đủ điều kiện nuôi con do cả hai đều có chỗ ở ổn định và có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung, anh chị thống nhất với nhau về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 20/6/2013 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 03/5/2018. Giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phi B, sinh ngày 06/11/2014. Anh H cấp dưỡng nuôi con N 500.000đồng (năm trăm nghìn

đồng)/tháng, kể từ tháng 10 năm 2020 đến khi con N đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị T và anh H đều không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

2. Quan hệ con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và H: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 20/6/2013 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 03/5/2018. Giao cho anh Nguyễn Đình H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phi B, sinh ngày 06/11/2014. Anh H cấp dưỡng nuôi con N 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 10 năm 2020 đến khi con N đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi một trong các bên có yêu cầu.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003838 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Chị T đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Đình H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị T. Anh Nguyễn Đình H có mặt tham gia phiên tòa và có lời trình bày, tranh luận; Tuy nhiên anh H vắng mặt khi tuyên án mà không có lý do và không có sự đồng ý của Hội đồng xét xử nên áp dụng Điều 267 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tuyên đọc bản án. Chị T và anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/9/2020.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã B huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: HC-TP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thoan